

Số: 21/2023/QĐST-DS

P, ngày 18 tháng 07 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 07 năm 2023; về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLST- DS ngày 10 tháng 05 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Văn T, sinh năm: 1946;
Địa chỉ: 144 L, phường 4, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Ông Trần L, sinh năm 1952; bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1956;
Cùng địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất ông Châu Văn T đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa số 135, tờ bản đồ 07, diện tích 250m² được Trường ty điền địa T cũ cấp ngày 16/8/1963, nay là thửa số 136, tờ bản đồ 350A, diện tích 200m² tọa lạc tại thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cho vợ chồng ông Trần L, bà Nguyễn Thị R với giá 04 cây vàng 9999. Hiện nay bị đơn còn nợ của nguyên đơn 02 cây 05 chỉ (25 chỉ) vàng y 9999. Tại phiên hòa giải ngày 10/7/2023 bị đơn đã giao cho nguyên đơn nhận đủ 08 chỉ vàng y 9999.

Buộc bị đơn ông Trần L, bà Nguyễn Thị R còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho nguyên đơn Châu Văn T số vàng 01 cây 07 chỉ (17 chỉ) vàng y 9999. Thời gian trả như sau: Đợt một đến ngày 30/12/2023 bị đơn phải trả cho nguyên đơn 01 cây (10 chỉ) vàng y 9999; đợt hai đến ngày 30/4/2024 bị đơn phải trả cho nguyên đơn hết số vàng còn lại là 07 chỉ vàng y 9999.

(Giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau trả bằng vàng bất kỳ hiệu nào miễn đảm bảo là vàng 9999).

Về án phí: Cả nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không giải quyết vấn đề tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền